

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-PT

Ngày 16-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn T do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ý N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2018/HS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn T, sinh năm 1972 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: công giáo; con ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị C; vợ Bùi Thị T; con: có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: chị Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Long P, xã Long Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; có mặt;

Bị đơn dân sự: ông Võ Phước M, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2018, Nguyễn T điều khiển xe ô tô khách loại 29 chỗ ngồi biển số XXB-XXX.XX (không có giấy phép lái xe đúng theo quy định) lưu thông trên Quốc lộ 57B theo hướng từ ngã

từ huyện C về cầu A. Khi lưu thông đến khu vực thuộc ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre do không làm chủ được tay lái nên để xe chạy qua phần đường bên trái dẫn đến va chạm vào xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx do Nguyễn Thị Ý N điều khiển phía sau chở chị Nguyễn Thị Kim T và cháu Lê M H đang lưu thông theo hướng ngược lại.

Hậu quả: chị Nguyễn Thị Ý N bị thương, chị Nguyễn Thị Kim T tử vong tại hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường được lập vào ngày 15/02/2018 xác định:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, có vạch sơn màu trắng đứt quãng, phân chia mặt đường thành hai phần đường xe chạy riêng biệt.
- Hiện trường được vẽ theo hướng Bắc, lấy mép đường bên trái theo hướng từ ngã tư huyện C về cầu A làm lề chuẩn.
- Khu vực mảnh vỡ xe ô tô biển số xxBx-xxx.xx kích thước 1,93 x 0,63 mét, nằm trong lề trái, tâm cách lề chuẩn là 3,70 mét.
- Điểm va chạm nằm bên trong lề trái, cách lề chuẩn 2,60 mét.
- Khu vực đất, đá bẻ, vỡ có kích thước 30 x 8 mét, nằm trong lề trái, tâm cách lề chuẩn 1,10 mét.
- Khu vực va chạm của hai xe có kích thước 16 x 4 mét, nằm trên phần đường bên trái và trong lề trái, tâm khu vực cách lề chuẩn 1,20 mét.
- Xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx ngã bên trái, nằm trên phần đường bên phải, trực trước cách lề 7,00 mét, trực sau cách lề chuẩn 5,85 mét.
- Vết ma sát 1 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx có kích thước 0,8 x 0,06 mét, nằm trên phần đường bên trái, đầu cách lề chuẩn 1,00 mét, đuôi cách lề chuẩn là 1,05 mét.
- Vết ma sát 2 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xxx có kích thước 49,50 mét x 0,30 mét, kéo dài từ phần đường bên trái đến phần đường bên phải, đầu cách lề chuẩn 1,30 mét, đuôi cách lề chuẩn 6,15 mét.
- Vết cày 1 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx dài 0,35 mét, nằm trên phần đường bên trái, đầu vết cày cách lề chuẩn 1,05 mét, đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,00 mét.
- Vết cày 2 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx dài 0,68 mét, nằm trên phần đường bên trái, đầu vết cày cách lề chuẩn 1,30 mét, đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,15 mét.
- Vết cày 3 xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx dài 1,55 mét, nằm trên phần đường bên trái, đầu vết cày cách lề chuẩn 1,65 mét, đuôi vết cày cách lề chuẩn 1,90 mét.
- Xe ô tô biển số xxB-xxx.xx sau va chạm nằm trên phần đường bên phải, trực trước bên trái cách lề chuẩn 4,70 mét, trực trước bên phải cách lề chuẩn 6,65 mét, trực sau bên trái cách lề chuẩn 4,55 mét, trực sau bên phải cách lề

chuẩn 6,55 mét.

- Vết ma sát 3 xe ô tô biển số xxB-xxx.xx có kích thước 11,95 x 0,2 mét nằm trên phần đường bên trái, đầu cách lề chuẩn 0,2 mét, đuôi cách lề chuẩn 1,85 mét.

Tại bản kết luận giám định tử T số 24/TT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre kết luận: nguyên nhân tử vong của Nguyễn Thị Kim T là do đa chấn thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 96-318/TgT ngày 28/03/2018 kết luận Nguyễn Thị Ý N bị tổn thương cơ thể do thương tích là 45%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 12-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 590, 591, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận ông Võ Phước M thỏa thuận bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền 290.000.000 đồng. Hiện gia đình chị T đã nhận được số tiền 130.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thống nhất đến ngày 05/4/2019 sẽ bồi thường xong và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này;

Ghi nhận ông Võ Phước M bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 25.000.000 đồng; bồi thường chi phí sửa chữa trụ đèn cho cây xăng Đại Lợi số tiền 9.000.000 đồng; bồi thường tiền sửa chữa xe ô tô biển số xxB – xxx.xx là 67.546.400 đồng;

Ghi nhận bị cáo đã hỗ trợ cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị Kim T số tiền 10.000.000 đồng; hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền điều trị thương tích 10.000.000 đồng; sửa xe mô tô biển số 60B3 – 448.72 số tiền 14.891.000 đồng;

Buộc bị cáo bồi hoàn cho ông Võ Phước M số tiền 324.000.000 đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 121.000.000 đồng;

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim N2 số tiền 15.000.000 đồng;

- Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn T phải chịu 22.400.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án,

án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ý N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn T từ 01 năm tù lên 2 năm tù; đồng thời yêu cầu bị đơn dân sự ông Võ Phước M phải có trách nhiệm cùng bị cáo Nguyễn T bồi thường thiệt hại cho chị với số tiền 121.000.000 đồng, mỗi người phải chịu 50%.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo. Bị cáo không có ý kiến gì đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ý N. Bị cáo đồng ý bồi hoàn lại cho ông Võ Phước M toàn bộ số tiền mà ông M đã bồi thường cho chị N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ý N trình bày phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Chị N rút lại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Chị N thay đổi kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại, cụ thể yêu cầu ông Võ Phước M phải bồi thường cho chị số tiền 121.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị đơn dân sự ông Võ Phước M trình bày phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Ông M đồng ý với Bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo. Ông M không có ý kiến gì đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ý N và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt 01 năm tù đối với bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Ý N rút lại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận. Chị Nguyễn Thị Ý N kháng cáo yêu cầu ông Võ Phước M phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị với số tiền 121.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 361 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ý N, sửa Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 590, 591, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; buộc ông Võ Phước M bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 121.000.000 đồng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: xét thấy trong vụ án này chị Nguyễn Thị Ý N chỉ bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 45%, dưới mức 61% là định lượng cấu thành cơ bản của “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho chị N, vì vậy chị N không phải là bị hại mà là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ý N gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn T khai nhận hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định: vào khoảng 04 giờ 20 phút ngày 15 tháng 02 năm 2018, tại quốc lộ 57 đoạn thuộc ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn T không có giấy phép lái xe theo quy định đã có hành vi điều khiển xe ô tô khách loại 29 chỗ ngồi biển số xxb-xxx.xx lưu thông theo hướng từ ngã tư huyện C về cầu A, do đi không đúng phần đường quy định để xe lấn trái dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số xxBx-xxx.xx do chị Nguyễn Thị Ý N điều khiển phía sau chở chị Nguyễn Thị Kim T và cháu Lê Minh H đang lưu thông theo hướng ngược lại gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả chị Nguyễn Thị Kim T tử vong, chị Nguyễn Thị Ý N bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 45%. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định của Luật giao thông đường bộ, điều khiển xe ô tô trong điều kiện không có giấy phép lái xe theo quy định, để xe lấn trái dẫn đến gây tai nạn làm chết 01 người, đã vi phạm vào khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm sự an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, gây hậu quả xấu cho xã hội. Với ý thức, hành vi chấp hành Luật giao thông đường bộ và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung tăng nặng “*Không có giấy phép lái xe theo quy định*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường 10.000.000 đồng cho gia đình bị hại T và 10.000.000 đồng cho chị N, đã khắc phục hậu quả sửa xe mô tô biển số xxBx – xxx.xx với số tiền 14.891.000 đồng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con chưa thành niên, gia đình bị hại bãi nại cho bị cáo; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Ý N rút lại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy việc rút lại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo của chị N là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Như vậy, phần hình phạt của Bản án sơ thẩm được xem như không có kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo về việc thay đổi người phải bồi thường thiệt hại của chị Nguyễn Thị Ý N, cụ thể yêu cầu ông Võ Phước M phải bồi thường cho chị 121.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu này tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ban đầu là yêu cầu ông Võ Phước M cùng bị cáo bồi thường 121.000.000 đồng, yêu cầu vượt này sẽ gây bất lợi cho người bị kháng cáo. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại theo đơn kháng cáo của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 601 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu theo đơn kháng cáo của chị N, buộc ông M phải bồi thường thiệt hại cho chị N 50% của 121.000.000 đồng là 60.500.000 đồng và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị N 60.500.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tự nguyện thỏa thuận sẽ bồi hoàn lại cho ông M toàn bộ số tiền mà ông M đã bồi thường cho chị N. Xét thấy sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và cần buộc bị cáo phải bồi hoàn lại cho ông M thêm 60.500.000 đồng như đã tự nguyện thỏa thuận.

[6] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị N, buộc ông Võ Phước M bồi thường thiệt hại cho chị N số tiền 121.000.000 đồng là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do có thay đổi về trách nhiệm bồi thường nên phần án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án sơ thẩm đã tuyên cần được điều chỉnh lại cho phù hợp. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận ông Võ Phước M thỏa thuận bồi thường số tiền 324.000.000 đồng (gồm: thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Thị Kim T tổng số tiền 290.000.000 đồng và đã bồi thường xong 130.000.000 đồng; bồi thường xong cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 25.000.000 đồng; bồi thường

xong chi phí sửa chữa trụ đèn cho cây xăng Đ số tiền 9.000.000 đồng), lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M chịu án phí mà lại buộc bị cáo phải chịu án phí, bị cáo vẫn đồng ý chịu án phí và đồng ý với Bản án sơ thẩm đã tuyên nên không có kháng cáo và cũng không có kháng nghị về án phí nên không làm xấu đi tình trạng của ông M. Tuy nhiên; để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, xét thấy trong số tiền 324.000.000 đồng nêu trên ông M đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 164.000.000 đồng, xem như ông M bồi thường thay cho bị cáo và bị cáo không phải chịu án phí về phần tiền đã bồi thường nên cần khấu trừ số tiền án phí là 8.200.000 đồng ($164.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.200.000 \text{ đồng}$) cho bị cáo. Ngoài ra; trong số tiền bồi thường theo yêu cầu kháng cáo của chị N là 121.000.000 đồng (số tiền án phí được tính là $121.000.000 \times 5\% = 6.050.000 \text{ đồng}$), nhưng bị cáo chỉ bồi thường 60.500.000 đồng (số tiền án phí được tính là $60.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.025.000 \text{ đồng}$), vì vậy bị cáo phải được giảm 3.025.000 đồng án phí và chỉ còn phải chịu án phí với số tiền là 3.025.000 đồng. Như vậy; số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải chịu 22.400.000 đồng sẽ được khấu trừ 11.225.000 đồng (8.200.000 đồng + 3.025.000 đồng), còn lại buộc bị cáo phải chịu 11.175.000 đồng. Do buộc ông Võ Phước M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 60.500.000 đồng, nên buộc ông M phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.025.000 đồng.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ý N về phần trách nhiệm dân sự; sửa Bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 591, 601 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc ông Võ Phước M bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 60.500.000 đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn T bồi hoàn lại cho ông Võ Phước M số tiền 60.500.000 đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ý N số tiền 60.500.000 đ (sáu mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Phước M phải nộp: 3.025.000 đ (ba triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bị cáo Nguyễn T phải nộp: 11.175.000 đ (mười một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn T không phải nộp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn T, phần trách nhiệm dân sự và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND thị trấn Đ (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông